

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn			Ngoại ngữ		Thể dục			GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	15'	M	1T	1T	15'	1T	M	15'	1T	15'					
1	Man Thị Lan	Anh	X	4	3.8	4.8	4		8	5.8		8	4.8	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
2	Nguyễn Quốc	Bảo		7	6.8	4	6.8		6	5.5		7	4	Đ	Đ	Đ	8	TB			50	T
3	Nguyễn Quang	Duy		7	5.8	4	7.3		7	6.3		7	6	Đ	Đ	Đ	7	TB	1	0	49.5	T
4	Lê Văn	Đức		4	5.8	4.3	5.8		7	5.8		7	3.8	Đ	Đ	Đ	9	TB	1	0	50	T
5	Nguyễn Quang	Hải		2.5	5.3	3.8	7.5		7	5.8		7	6.3	Đ	Đ	Đ	7	Y			49	T
6	Lê Thụy Thu	Hằng	X	3.3	4.3	4	6		8	6		8	4.3	Đ	Đ		9	Y			50	T
7	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	X	5.5	7.3	6.5	6		8	6.3		8	7.3	Đ	Đ	Đ	7	K			48	T
8	Lê Trung	Hiếu		3.8	6	4.5	6.3		7	4.8		7	6.5	Đ	Đ	Đ	9	TB	1	1	48.5	T
9	Võ Minh	Hoàng		3.3	6	4	6.5		6	5.3		7	4	Đ	Đ	Đ	8	Y			49.5	T
10	Âu Dương Thúy	Hồng	X	5.3	6.3	3.8	7.5		10	6.3		8	6.3	Đ	Đ		9	TB			50	T
11	Nguyễn Bảo	Hữu		2	3.8	6.8	5.3		7	5		7	3.3	Đ	Đ		7	Y			50	T
12	Hoàng Trung	Kiên		5	5.3	4	6.8		7	6.5		7	3.3	Đ	Đ	Đ	8	TB			50	T
13	Nguyễn Văn Tuấn	Lập		8.3	6.5	2.5	6.8		7	5.5		7	3	Đ	Đ	Đ	8	Y			50	T
14	Nguyễn Thị Khánh	Ly	X	5.8	6	5	7.8		8	7		8	5	Đ	Đ	Đ	9	K			50	T
15	Chu Đức	Minh		3.8	6.5	6	8.5		7	7		7	4.8	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
16	Nguyễn Văn Bình	Minh		5.5	5.3	4.3	7		7	7		7	6.8	Đ	Đ	Đ	7	TB			49.5	T
17	Phạm Huỳnh Thu	Ngân	X	5.5	7	3.8	6.8		7	7		7	5.3	Đ	Đ	Đ	7	TB			49.5	T
18	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	X	5.3	7.5	5.5	8		9	5		8	4.5	Đ	Đ		7	TB			50	T
19	Nguyễn Minh	Nhật		5	4.8	2.8	6.3		7	6		7	3.5	Đ	Đ	Đ	7	Y			48.5	T
20	Nguyễn Huỳnh Đức	Phát		3.5	6.8	4.5	6.3		6	5.8		6	5.3	Đ	Đ	Đ	8	TB			50	T
21	Thái Trần Hưng	Phát		5	6	4.8	7.8		8	8		7	5	Đ	Đ	Đ	8	TB			50	T
22	Ngô Chấn	Quân		5.3	7.5	4.5	9.3		6	7.5		7	2.8	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
23	Đặng Thị Hồng	Quyên	X	5.3	6.5	4.5	6		7	3.5		8	4.5	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
24	Trang Thúy	Sinh		4.5	5.3	4.3	6		9	7		6	7.3	Đ	Đ	Đ	9	TB	1	2	42.5	K
25	Vương Văn	Sự		6.5	8	3.3	8.3		7	6.5		8	6.3	Đ	Đ	Đ	8	TB			50	T
26	Nguyễn Hữu	Tâm		2.8	3.8	4.3	7.3		8	3.5		7	2.8	Đ	Đ		6	Y			50	T
27	Đình Quang	Thiện		3.8	4.3	4.8	7		10	6.8		7	4	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
28	Nguyễn Thị	Thu	X	6.3	6.5	7.3	7.3		8	5.5		7	4.5	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
29	Nguyễn Lương Hiếu	Thuận		2	5.5	4.3	3.8		7	5		7	4.5	Đ	Đ	Đ	7	Y			50	T
30	Nguyễn Thị Anh	Thư	X	3.5	4.5	5.5	5		9	5.8		8	4.5	Đ	Đ		9	TB			50	T

31	Nguyễn Đức	Tín		2.8	4.5	3.5	4.3		8	5.3		7	4	Đ	Đ	Đ	7	Y			50	T
32	Nguyễn Trung	Tín		2	5	5.3	4.5		6	5.3		7	6	Đ	Đ	Đ	9	Y			50	T
33	Hồ Bảo	Trần	X	1.8	4	4.3	6.5		8	6		8	4.3	Đ	Đ	Đ	7	Kem			45.5	T
34	Nguyễn Ngọc Bảo	Trình	X	2.8	4.5	4	7		8	6.3		7	3.3	Đ	Đ	Đ	7	Y			50	T
35	Bùi Đức	Tuấn		5	6.3	6.3	8		7	5.8		7	4.5	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
36	Lâu Hoàng Anh	Tuấn							0	0	0	8						Kem			50	T
37	Nguyễn Phong	Tuấn		5.3	7	4.3	6.8		7	4		7	8.3	Đ	Đ	Đ	7	TB	0	1	48.5	T
38	Phạm Minh	Tuấn		3.8	7	5.3	7.3		8	6.8		7	5.8	Đ	Đ	Đ	8	TB			49	T
39	Trần Khánh	Vì	X	5	6.8	4.3	4.5		9	6		8	7	Đ	Đ	Đ	7	TB			48.5	T
40	Phạm Quốc	Vinh		6	5	5.3	7.3		7	5		7	7.5	Đ	Đ	Đ	9	TB			50	T
41	Nguyễn Thanh	Vy	X	3.8	5.3	2.3	5.3		8	5		7	3.3	Đ	Đ	Đ	8	Y			48.5	T
42	Huỳnh Ngọc	Yến	X	5.8	7.8	5.3	8.8		10	6		8	5.8	Đ	Đ	Đ	9	K			49.5	T
43	Nguyễn Đức	Phát		5	4.5	6.3	5.8		7	4.5		6	6.8	Đ	Đ	Đ	7	TB			48.5	T
44	Phương Ngọc Nhã	Quỳnh	X	5.8	6	5.5	8.8		7	5.3		7	4	Đ	Đ	Đ	7	TB			50	T
45	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	X	2	6	5.5	6.3		7	4.5		7	3.3	Đ	Đ	Đ	7	Y			48.5	T
46	Nguyễn Thị Anh	Đào	X	3.5	6.5	4	6.8	9		6	6	6	4.8	Đ	Đ	Đ		TB			50	T
47	Huỳnh Lê Hải	Đăng		7	4.8	6.8	5.5	9		5	5.3	5	1	Đ	Đ	Đ	7	Y			50	T
48	Huỳnh Anh	Tú		1	2.3	4.3	7.5			2	5.3	7	4		Đ	Đ		Kem	1	0	48	T
49	Nguyễn Chí	Thành		4.3	5	5	4.5	9		5	5.5	4	3.8	Đ	Đ	Đ	7	TB			49.5	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuân Hương

